

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỒNG THÁP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **171/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-4-2026

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lôi;

2. Ông Lê Thanh Duy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 138/2026/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2026, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu S**, sinh năm 2000;

Căn cước số 082300002912, ngày cấp 22/7/2025;

Địa chỉ: **khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp**. (Xin vắng mặt)

2/ *Bị đơn:* Anh **Ngô Nhựt T**, sinh năm 1997;

Chứng minh nhân dân số: 312332975, ngày cấp 29/6/2012;

Địa chỉ: **khu phố K, phường G, tỉnh Đồng Tháp**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn **Nguyễn Thị Thu S** trình bày:**

Chị và anh **T** chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **L**, thị xã **G**, tỉnh Tiền Giang (nay là phường **G**, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2018, ngày 23/11/2018. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do tính tình không hợp lại có quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu

thuần dẫn đến cãi vã. Anh chị đã ly thân từ năm 2024 đến nay, không còn quan tâm nhau. Nay chị thấy tình cảm không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu **Ngô Nguyễn Anh T1**, sinh ngày 17/02/2017 và cháu **Ngô Nguyễn Khánh D**, sinh ngày 08/4/2020. Hiện nay, các con chung đang sống cùng với chị, khi ly hôn chị **S** yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

** Bị đơn anh **Ngô Nhật T2** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ.*

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh **Ngô Nhật T** có nơi cư trú tại **phường G, tỉnh Đồng Tháp** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **S** xin ly hôn với anh **T**, yêu cầu giải quyết về con chung, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Chị **S** và anh **T** chung sống với nhau từ năm 2016, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã **L**, thị xã **G**, tỉnh **Tiền Giang** (nay là Ủy ban nhân dân phường **G**, tỉnh **Đồng Tháp**) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/2018, ngày 23/11/2018 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị **S** cho rằng quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp lại có quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Anh, chị đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh **T**.

Trong quá trình giải quyết, anh **T** đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh **T** không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải cho thấy anh **T** không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị **S** và anh **T** đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **S** và anh **T** đã có thời gian ly thân với nhau nhưng anh chị đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị **S** là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **S** với anh **T**.

[4.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu **Ngô Nguyễn Anh T1**, sinh ngày 17/02/2017 và cháu **Ngô Nguyễn Khánh D**, sinh ngày 08/4/2020. Hiện nay, các con chung đang sống cùng với chị **S**. Tại đơn khởi kiện chị **S** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Anh T1**, giao cháu **Khánh D** cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị **S** thay đổi yêu cầu như sau: khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của chị **S**.

Hội đồng xét xử nhận thấy hiện các con đang sống cùng chị **S**, được chị **S** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; cháu **T1** có nguyện vọng sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn; cháu **D** hiện còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ; trong quá trình giải quyết vụ án anh **T** cũng không có thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về con chung; qua xác minh ở địa phương, anh **T**, chị **S** đều có nghề nghiệp, có điều kiện nuôi con nhưng để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định cho các con chung nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao 02 cháu **Ngô Nguyễn Anh T1**, sinh ngày 17/02/2017 và cháu **Ngô Nguyễn Khánh D**, sinh ngày 08/4/2020 cho chị **Nguyễn Thị Thu S** tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị **S** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh **T** không phải chịu án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238; Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị Thu S.**

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thu S** được ly hôn với anh **Ngô Nhựt T.**

2. Về con chung: Chị **Nguyễn Thị Thu S** được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung tên **Ngô Nguyễn Anh T1**, sinh ngày 17/02/2017 và cháu **Ngô Nguyễn Khánh D**, sinh ngày 08/4/2020. Anh **Ngô Nhựt T** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **Nguyễn Thị Thu S** không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Thu S** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003116 ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị **S** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh **T** không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh ĐT; **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND KV2-ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND phường Gò Công - ĐT;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Thu Thảo